

BẢNG ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT (Production Consumption)

- Kiểu Nón (STYLE)

: Nón form thoải vừa, mặt không keo

: (Hat with comfortable shape and no buckram)
- Mã Rập chóp (CROWN PATTERN CODE)

: TTD-510-M01-580-1 (MA-5M-248-58-Wash)
- Mã Rập kết (VISOR PATTERN CODE)

: 950-58-CB-V (cong nhẹ 1.5cm)
- Size nón (Sizing)

: 58.0 cm
- PHOM ỦI (Ironing head)

: TTD-01
- CHẤT LIỆU (Material)

: Cotton KHCC

Chi Tiết (Detail)	Quy Cách (Specifications)	KHỔ VẢI (Fabric size) m	ĐỊNH MỨC (Production consumption) m	UA KHCC	TTD
Mặt x 2 (Front side)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,039	X	
Hông x 2 (Mid side)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,040	X	
Đuôi x 2 (Back side)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,043	X	
Kết trên x 1 (Top visor)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,031	X	
Kết dưới x 1 (Under visor)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,030	X	
Đai (Sweatband)	Vải cotton (cotton fabric)	1,40	0,059	X	
Viền (Inside tape)	Vải kate Black (Kate Fabric Black)	1,45			X
Dây size felt (Size felt)	Dây size felt (Size felt)				X
Kết nhựa x 1 (Plastic visor)	Kết nhựa Black or white (Plastic visor black or white)				X
Chỉ may 40/2 (Thread)	Chỉ may (Thread)				X
Khóa nhựa (plastic nap)	Khóa nhựa (plastic nap)				X
Nút (Button)	Nút sắt (Iron button)				X
Nhãn đai KHCC (Satin Label)	KHCC (Customer provide)		1pcs	X	
Nhãn khóa (buckle label)	KHCC (Customer provide)		1pcs	X	

HÌNH MINH HỌA (illustration)



BẢNG THÔNG SỐ (INFORMATION)

KIỂU NÓN(STYLE)

MÃ RÁP CHÓP (CROWN PATTERN CODE)

MÃ RÁP KẾT (VISOR PATTERN CODE)

SIZE NÓN (SIZING)

PHOM ỦI (IRON MOLD)

CHẤT LIỆU (MATERIAL)

: Nón form thoải vừa, mặt không keo (Hat with comfortable shape and no buckram))

TTD-510-M01-580-1 (MA-5M-248-58-Wash)

950-58-CB-V (cong nhẹ 1.5cm)

58.0 cm

TTD-01

Cotton KHCC

SỐ THỨ TỰ VÀ VỊ TRÍ ĐO TRÊN NÓN (DETAILS)		DUNG SIZE (TOLERANCE (CM))	ORIGINAL SAMPLE
A	SIZE NÓN (SIZING)	0.5 cm	58.5cm
B	DÀI KẾT (VISOR WIDTH)	0.3 cm	6.5cm
C	CAO MẶT (FRONT HEIGHT)	0.5cm	15.8cm
D	CHIỀU DÀI MẶT NÓN ĐẾN ĐUÔI NÓN (FROM CROWN BOTTOM TO OPENING BACK)	1cm	28.2cm
E	SÂU NÓN ĐO TẠI GIỮA 2 HÔNG NÓN (FROM BOTTOM OF LEFT SIDE TO BOTTOM OF RIGHT SIDE)	1cm	31.2cm
F	SÂU NÓN ĐO TỪ HÔNG MẶT NÓN ĐẾN HÔNG ĐUÔI NÓN (FROM BOTTOM OF FRONT EDGE TO EDGE OF BACK)	1cm	32cm
H	ĐỘ MỞ LỖ KHÓA KHI ĐO SIZE NÓN (OPEN CLOSURE WHEN MAKESURE SIZING)	0.5cm	8cm
NOTES			

